

BẢNG GHI ĐIỂM LỚP HỌC PHẦN

Đợt: Học kỳ 3 (2022-2023)

Lớp học phần: [23400804] - Cầu lông 1 (CCQ2219LA - 234008 - 04)

STT	Thông tin sinh viên						TBTk	Được dự thi	Cuối kỳ	Vắng thi	Điểm tổng kết 1	Điểm tổng kết 2	Xếp loại	Ghi chú
	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học								
1	2120170388	Bùi Tuấn	Anh	28/12/2001	Nam	CCQ2017L	7.5	V	7.0		7,20		Khá	
2	2121170311	Nguyễn Tào Tuấn	Anh	02/08/1999	Nam	CCQ2117I	7.0	V	10.0		8,80		Giỏi	
3	2122240139	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	30/01/2004	Nữ	CCQ2224E	8.5	V	6.0		7,00		Khá	
4	2122220011	Ngô Duy	Bảo	12/11/2004	Nam	CCQ2222A	7.8	V	7.0		7,30		Khá	
5	2122110023	Nguyễn Hải	Đăng	13/10/2004	Nam	CCQ2211A	8.3	V	10.0		9,30		Giỏi	
6	2122190041	Võ Thị Linh	Diễm	05/10/2004	Nữ	CCQ2219LA	7.0	V	7.0		7,00		Khá	
7	2122110025	Bùi Hải	Dương	05/01/2004	Nam	CCQ2211A	9.5	V	10.0		9,80		Giỏi	
8	2122190122	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	26/01/2004	Nữ	CCQ2219LA	0.0	V	0.0	V	0,00		Kém	Học lại
9	2122190152	Trương Nguyễn Hu	Giang	21/03/2004	Nữ	CCQ2219LA	7.0	V	6.0		6,40		Trung bình	
10	2122030212	Ngô Văn	Giáp	20/02/2004	Nam	CCQ2203D	7.5	V	8.0		7,80		Khá	
11	2122100345	Nguyễn Ngọc	Hà	18/01/2003	Nữ	CCQ2210J	7.0	V	8.0		7,60		Khá	
12	2122190118	Huỳnh Vũ Ngọc	Hân	26/04/2004	Nữ	CCQ2219LA	7.3	V	7.0		7,10		Khá	
13	2122220024	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	18/03/2004	Nữ	CCQ2222A	7.3	V	6.0		6,50		Trung bình	
14	2122190129	Nguyễn Trương Ph	Lâm	16/01/1999	Nam	CCQ2219LA	7.5	V	7.0		7,20		Khá	
15	2122050013	Trần Gia	Lâm	26/08/2004	Nam	CCQ2205D	8.5	V	6.0		7,00		Khá	
16	2120120162	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	21/08/2002	Nữ	CCQ2012C	7.5	V	6.0		6,60		Trung bình	
17	2122190112	Nguyễn Thị Thùy	Linh	28/08/2004	Nữ	CCQ2219LA	0.0	V	0.0	V	0,00		Kém	Học lại
18	2121060006	Hứa Thanh	Long	30/05/2000	Nam	CCQ2106A	6.3	V	8.0		7,30		Khá	
19	2122100313	Trần Hoàn	Mỹ	04/09/2004	Nữ	CCQ2210LA	6.5	V	9.0		8,00		Khá	
20	2122190076	Nguyễn Khánh	Nguyên	10/07/2002	Nam	CCQ2219LA	6.8	V	8.0		7,50		Khá	
21	2122220008	Lương Hoàng	Nhật	02/01/2004	Nam	CCQ2222A	8.3	V	8.0		8,10		Khá	
22	2122100376	Phạm Thị Kiều	Oanh	26/04/2003	Nữ	CCQ2210LA	7.3	V	6.0		6,50		Trung bình	
23	2122210176	Trần Huy	Phong	24/10/2004	Nam	CCQ2221B	6.3	V	6.0		6,10		Trung bình	
24	2122100297	Lê Phan Tiểu	Phụng	18/05/2004	Nữ	CCQ2210LA	7.5	V	7.0		7,20		Khá	
25	2122190114	Lê Thúy Như	Quỳnh	21/08/2004	Nữ	CCQ2219LA	7.0	V	7.0		7,00		Khá	
26	2122100300	Nguyễn Trương Tr	Quỳnh	21/11/2004	Nữ	CCQ2210LA	7.5	V	7.0		7,20		Khá	
27	2121030091	Từ Ngọc	Son	24/03/2003	Nam	CCQ2103C	8.3	V	8.0		8,10		Khá	

28	2122110002	Nguyễn Thanh	Tâm	06/10/2003	Nam	CCQ2222A	7.3	V	8.0		7,70		Khá	
29	2122100350	Phạm Võ Như	Tâm	04/02/2004	Nữ	CCQ2210J	7.3	V	7.0		7,10		Khá	
30	2122220016	Nguyễn Ngọc	Thạch	16/06/2001	Nam	CCQ2222A	8.8	V	6.0		7,10		Khá	
31	2122050107	Lê Thanh	Thái	24/07/2002	Nam	CCQ2205D	0.0	V	0.0	V	0,00		Kém	Học lại
32	2122100295	Nguyễn Thị Kiều	Thanh	24/04/2004	Nữ	CCQ2210LA	7.8	V	6.0		6,70		Trung bình	
33	2122220018	Nguyễn Phúc Hoàn	Thông	26/09/2004	Nam	CCQ2222A	6.8	V	8.0		7,50		Khá	
34	2122100296	Nguyễn Lê Anh	Thư	28/01/2004	Nữ	CCQ2210LA	8.5	V	9.0		8,80		Giỏi	
35	2122210063	Nguyễn Võ Minh	Thư	12/04/2004	Nữ	CCQ2221B	7.3	V	7.0		7,10		Khá	
36	2122100057	Trần Thị Anh	Thư	11/02/2004	Nữ	CCQ2210B	7.3	V	6.0		6,50		Trung bình	
37	2122190086	Trần Thanh	Thương	02/09/2004	Nữ	CCQ2219LA	7.0	V	6.0		6,40		Trung bình	
38	2122100001	Phạm Thị	Thùy	20/04/2000	Nữ	CCQ2210LA	8.8	V	7.0		7,70		Khá	
39	2122210001	Đặng Thị Bích	Thùy	01/04/2004	Nữ	CCQ2221A	7.0	V	7.0		7,00		Khá	
40	2122040044	Phạm Đức	Tiến	30/01/2004	Nam	CCQ2204B	6.8	V	9.0		8,10		Khá	
41	2122100214	Trần Thị Thùy	Trang	28/04/2004	Nữ	CCQ2220A	7.8	V	9.0		8,50		Giỏi	
42	2122220026	Trần Minh	Tuấn	20/08/2004	Nam	CCQ2222A	7.0	V	8.0		7,60		Khá	
43	2122210056	Võ Ngọc	Tùng	17/12/2004	Nam	CCQ2221E	7.8	V	9.0		8,50		Giỏi	
44	2122210071	Phạm Cẩm	Tuyên	12/01/2004	Nữ	CCQ2221E	7.3	V	8.0		7,70		Khá	
45	2122100377	Trần Thị Bích	Tuyền	08/07/2003	Nữ	CCQ2210LA	7.0	V	7.0		7,00		Khá	
46	2122100298	Nguyễn Mỹ	Uyên	24/08/2004	Nữ	CCQ2210LA	9.3	V	8.0		8,50		Giỏi	
47	2122100299	Hồ Hoàng Thảo	Vân	13/09/2004	Nữ	CCQ2210LA	7.8	V	6.0		6,70		Trung bình	
48	2121120206	Võ Khánh	Văn	12/04/2003	Nam	CCQ2112F	0.0	V	0.0	V	0,00		Kém	Học lại
49	2122050103	Trần Anh	Vũ	08/05/2004	Nam	CCQ2205D	9.5	V	8.0		8,60		Giỏi	
50	2122190127	Doanh Thị Hải	Yến	24/12/2001	Nữ	CCQ2219LA	7.0	V	7.0		7,00		Khá	

....., ngày tháng năm

Người lập biểu

Nguyễn Thành Quân